

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-9-2023.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Ông Trịnh Minh Tường.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Phan Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đỗ Thị T, sinh năm 1983;

Cư trú tại: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1985;

Cư trú tại: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 26-7-2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được, nguyên nhân do anh H ghen tuông, kiểm soát chị quá khắt khe. Nay chị và anh H không thể sống chung với nhau được nên chị cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31-12-2004 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17-11-2007. Cháu N đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Đ đang sống chung với vợ chồng chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ thành niên..

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 8 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống vợ chồng, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên, anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Anh chỉ đồng ý ly hôn với chị T với điều kiện chị T phải xử lý xong nợ chung và tài sản chung.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về họ tên, ngày tháng năm sinh của các con chung là đúng. Nếu cháu Đ có nguyện vọng sống với anh thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, trường hợp cháu Đ muốn sống chung với chị T thì anh không cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Đối với cháu Thảo N1 đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

** Chị Đỗ Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

** Anh Nguyễn Minh H trình bày:* anh đồng ý ly hôn với chị T; đồng ý giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17-11-2007 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31-12-2004 đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết nên không cung cấp cho Tòa án thông tin họ tên, địa chỉ của những người có liên quan đến nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 82, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T đối với anh Nguyễn Minh H.

+ Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17-11-2007 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thành Đ theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31-12-2004 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân:

[1.1] Chị Đỗ Thị T đối với anh Nguyễn Minh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 26-7-2005 (bút lục số 04). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

[1.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, thấy rằng: chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 2003, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh H ghen tuông nên có hành vi kiểm soát gắt gao đối với chị T nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị T thường xuyên nhắn tin qua lại tình cảm với người đàn ông khác nên anh có lời qua tiếng lại với chị T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị T đã chuyển ra ngoài sống ly thân với anh. Lời trình bày của chị T phù hợp với lời khai của anh H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T đối với anh Nguyễn Minh H, chị T được ly hôn với anh H.

[2] Về nuôi con chung:

[2.1] Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31-12-2004 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17-11-2007. Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đ, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đồng ý giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; tại biên bản lấy lời khai ngày 28-7-2023 cháu Đ có nguyện vọng sống cùng chị T. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị T và anh H về việc giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và quy định tại các Điều 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân,

chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2.] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu Đ) của chị T: căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, việc chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ là có căn cứ chấp nhận.

Xét mức cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng đối với cháu Đ thấy rằng: tại phiên tòa chị T và anh H đều xác định anh H là lao động tự do công việc không ổn định, ngoài ra anh H có trồng cây hàng bông theo mùa vụ nhưng có vụ lời vụ lỗ, bình quân thu nhập hàng tháng của anh H là bao nhiêu anh, chị không xác định được. Việc chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ 2.500.000 đồng/tháng là chưa phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh H. Căn cứ quy định pháp luật “*...mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định*” (hiện nay mức lương 1.800.000 đồng/tháng). Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu Đ thành niên, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” của chị Đỗ Thị T đối với anh Nguyễn Minh H.

Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

2. Về nuôi con chung: giao chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2007. Anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu Đ thành niên, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2004 đã thành niên, chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004537 ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Trà Vong;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

